

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST

Ngày: 18-8-2021.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Mậu và ông Phạm Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 Đ với bị cáo:

Trần Thị L; sinh năm 1980; nơi sinh: Xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị S; có chồng là Triệu Đình Đ, không có con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2021 đến ngày 03-6-2021 chuyển áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

- Bị hại: Anh Triệu Đình Đ; sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị S; sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Anh Trần Văn Đ; sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ ***Người chứng kiến:*** Anh Bùi Văn Đ.

(Có mặt bị cáo L, anh Đ; Vắng mặt anh Đ, bà S, ông Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị L và anh Triệu Đình Đ là vợ chồng hợp pháp nhưng đang sống ly thân từ cuối năm 2019. Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 29-4-2021, Trần Thị L một mình điều khiển xe mô tô đến nhà anh Triệu Đình Đ ở thôn V, xã H, huyện V chơi. Đến nơi, L thấy cổng nhà anh Đ không khóa nên tự đẩy cổng đi vào trong sân và gọi to tên anh Đ hai lần nhưng không có ai trả lời. Thấy cửa chính nhà anh Đ đã khóa, L quan sát xung quanh thấy cửa nhà vệ sinh thông với nhà bếp và nhà ở chỉ khép không khóa, đồng thời biết không có ai ở nhà nên L đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh Đ để trộm cắp tài sản. Sau đó L mở cửa nhà vệ sinh đi vào trong nhà, do có thời gian sinh sống cùng anh Đ nên L biết anh Đ hay để tài sản ở trong tủ gỗ trên gác xép. L đi thẳng đến ban thờ gỗ trong phòng khách nhìn thấy chùm chìa khóa đang được treo ở đây, L dùng tay phải của mình lấy chùm chìa khóa treo dưới giá đỡ ban thờ rồi đi lên gác xép nhà anh Đ và dùng chìa khóa vừa lấy được mở ô cửa bên phải của tủ gỗ ra. L thấy trong tủ có để 01 túi nhựa màu trắng xám, bên trong túi có 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng/01 tờ và 01 hộp nhựa màu hồng bên trong có 01 sợi dây chuyền màu vàng có mặt hình trái tim. L lấy 02 cọc tiền và hộp nhựa bên trong đựng dây chuyền màu vàng cho vào túi quần của mình, sau đó khóa tủ lại và đi xuống treo chìa khóa vào vị trí cũ rồi ra về.

Khi về đến nhà của mình, L lấy 02 cọc tiền vừa trộm cắp được ra đếm thì biết mỗi cọc tiền có 100 tờ tiền, mỗi tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). L cầm 01 cọc tiền trị giá 50.000.000 đồng và sợi dây chuyền màu vàng vừa trộm cắp được Sg nhà bà Trần Thị S (là mẹ đẻ của L) nhờ cất giữ hộ. L lấy 20.000.000 đồng trong số tiền trộm cắp trả nợ cho anh Trần Văn Đ (là em trai của L). Khi đưa tiền, dây chuyền cho bà S và anh Đ, L đều không nói cho những người này biết về nguồn gốc của số tiền và sợi dây chuyền màu vàng. L sử dụng 6.225.000 đồng trong số tiền trộm cắp được mua một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 tại cửa hàng thế giới di động ở xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, số tiền còn lại là 23.775.000 đồng L đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 05-5-2021 anh Triệu Đình Đ đã gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để trình báo việc mất trộm số tiền 100.000.000 đồng và sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 2,5 chỉ có giá khoảng 13 triệu đồng. Anh Đ khai nhận đây là tiền của con trai anh là cháu Triệu Đình Đ, sinh năm 1993 gửi cho cá nhân anh vào ngày 22-4-2021 để tổ chức đám cưới cho con gái anh là cháu Triệu Thị M, sinh năm 1997; còn sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 2,5 chỉ anh mới mua với giá khoảng 13 triệu đồng để tặng cho con gái khi đi lấy chồng (Đ và M là con riêng của anh Đ với người vợ đầu).

Vật chứng vụ án:

Thu tại hiện trường 01 túi nhựa (dạng túi clear) màu trắng xám có kích thước (35x23)cm.

Ngày 06-5-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã khám xét nhà của bị cáo L và thu giữ: Số tiền 1.300.000 đồng; 01 điện thoại Oppo A93 màu đen.

Ngày 06-5-2021 bà Trần Thị S đã tự giác giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 50.000.000 đồng và sợi dây chuyền màu vàng mà L đã gửi bà S trước đó.

Ngày 10-5-2021 anh Trần Văn Đ đã tự giác giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 20.000.000 đồng mà trước đó L đã trả nợ.

Tại Kết luận số 02/KL-HĐ ngày 12-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V xác định giá trị của sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 2,5 chỉ có mặt hình trái tim là 12.925.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Thị L đã ủy quyền cho bà Trần Thị S giải quyết về phần dân sự với anh Triệu Đình Đ. Ngày 22-5-2021 anh Đ và bà S đã thỏa thuận, anh Đ sẽ nhận lại số tiền 70.000.000 đồng cơ quan Công an đã thu giữ do bà S + anh Đ giao nộp và sợi dây chuyền vàng 2,5 chỉ mặt trái tim. Số tiền 30.000.000 đồng bị cáo L đã dùng 6.225.000 đồng trong số này để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 thì anh Đ xin nhận chiếc điện thoại này, số tiền còn lại là 23.775.000 đồng gia đình bà S đã nhận bồi thường cho anh Đ. Nay anh Đ đã nhận đủ số tiền, vàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự.

Ngày 16-7-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh Triệu Đình Đ: Số tiền 70.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 màu đen đã qua sử dụng; 01 túi nhựa (dạng túi clear) màu trắng xám có kích thước (35x23).

Ngày 16-7-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện V trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho bị cáo L.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V bị cáo L đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi trộm cắp của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-VB ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Trần thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị L đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền, vàng của anh Triệu Đình Đ đúng như nội dung đã nêu ở trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, công việc không thường xuyên nên thu nhập thấp và không ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội Đ với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố Đ với bị cáo L như bản cáo trạng và đề nghị như sau:

- Về điều luật: Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh Đ với hành vi của bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Các vật chứng đã thu giữ; Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V cùng với lời khai của bị cáo, của người bị hại, của người làm chứng tại cơ quan điều tra. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 29-4-2021, Trần Thị L đến nhà anh Triệu Đình Đ ở thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định chơi. Thấy không có ai ở nhà, L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên lén lút đột nhập vào nhà anh Đ để lấy trộm tiền và vàng có tổng trị giá 112.925.000 đồng để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Đối chiếu hành vi mà bị cáo L đã thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố và luận tội đối với hành vi của bị cáo L đã thực

hiện về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; sự đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi của bị cáo L đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm cho người dân lo sợ kẻ gian bắt chấp pháp luật bằng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của mình và gây lên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân; ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và thấy cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe, tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo không có vi phạm gì.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ủy quyền cho bà Trần Thị S là mẹ của bị cáo để giải quyết việc bồi thường dân sự thay cho bị cáo và bà S đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đầy đủ cho anh Triệu Đình Đ; ngoài ra tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, người bị hại là anh Triệu Đình Đ đã được nhận lại đủ tài sản của mình bị chiếm đoạt, cho đến nay anh Đ không yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý các vật chứng đã thu giữ:

- Đối với số tiền 70.000.000 đồng Cơ quan CSĐT Công an thu giữ nay đã trả cho anh Triệu Đình Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc điện thoại Oppo A93 bị cáo dùng tiền trộm cắp của anh Đ để mua, nay anh Đ tự nguyện nhận chiếc điện thoại này để đổi trừ đi số tiền bị cáo L phải bồi thường cho anh Đ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh Đ là phù hợp.

- Đối với 01 túi nhựa (dạng túi clear) màu trắng xám có kích thước (35x23)cm là tài sản của anh Đ nên CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh Đ là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng, cơ quan CSĐT Công an huyện V xác định số tiền này không liên quan đến số tiền trộm cắp tài sản mà là tiền riêng của bị cáo L nên đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-5-2021 đến ngày 03-6-2021).

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo L, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đ và bà S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo nội dung có liên quan)

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, Người CQL&NVLQ;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân

